Văn phòng Ủy ban Nhân dân
04-01-2020
15:54:13
+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5574/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 31 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 14/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung điều chỉnh thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn 2050;

Căn cứ Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của UBND tỉnh về Quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2369/QĐ.UBND-XD ngày 27/5/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Lê Lợi, thành phố Vinh;

Xét đề nghị của UBND thành phố Vinh; đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 2626/SXD.QHKT ngày 27/8/2019 về việc thẩm định Quy hoạch phân khu phường Lê Lợi, thành phố Vinh và hồ sơ quy hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Vinh.

3. Tư vấn lập quy hoạch: Công ty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đại Việt.

4. Phạm vi ranh giới và thời hạn lập quy hoạch:

4.1. Phạm vi ranh giới:

- Phía Bắc giáp: Phường Quán Bàu;
- Phía Nam giáp: Phường Đội Cung, phường Quang Trung;
- Phía Đông giáp: Phường Hưng Bình;
- Phía Tây giáp: Phường Đông Vĩnh.

4.2. Niên độ quy hoạch: Đến năm 2030.

5. Nội dung quy hoạch xây dựng:

5.1. Tính chất, chức năng:

- Là một đơn vị hành chính của thành phố Vinh, gồm các khu chức năng chính: Khu ở dân cư, thương mại dịch vụ, khu hành chính, văn hóa, công cộng cấp phường và công trình công cộng.

- Là khu vực đô thị chỉnh trang và phát triển mới, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ.

5.2. Mục tiêu và nhiệm vụ của đồ án:

- Cụ thể hóa điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 14/01/2015 và Đề án phát triển thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thành trung tâm kinh tế, văn hóa vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2020 theo tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2468/QĐ-TTg ngày 29/12/2015.

- Điều tra đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên, địa hình, hiện trạng xây dựng, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật các dự án đầu tư, các điều kiện kinh tế xã hội của khu vực quy hoạch.

- Định hướng phát triển kinh tế xã hội, các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng cơ sở, hạ tầng kỹ thuật của khu quy hoạch.

- Tổ chức quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đồng bộ phù hợp thực tế của phường Lê Lợi và định hướng điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vinh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Xây dựng quy định quản lý theo đồ án làm cơ sở pháp lý để quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

5.3. Quy mô đất đai, dân số:

5.3.1. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng trong khu vực nghiên cứu quy hoạch: 12.597 người.

- Dân số khu vực dự báo đến năm 2030: 15.000 người.

5.3.2. Quy mô đất đai: Tổng diện tích khu đất quy hoạch: 138,87ha.

5.4. Cơ cấu quy hoạch và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan (theo bản vẽ QH 04, QH 05):

5.4.1. Công trình công cộng:

a) Trung tâm hành chính phường (ký hiệu CQ): Được giữ nguyên tại vị trí cũ đã có, phía Bắc đường Lý Thường Kiệt (thuộc khối 5), các công trình xây dựng gồm: Trụ sở HĐND, UBND phường, hội trường phường; trụ sở công an phường. Tổng diện tích 0,58ha, mật độ xây dựng 40 - 60%, tầng cao từ 3 - 5 tầng.

b) Đài tưởng niệm liệt sỹ (ký hiệu DT-01): Được giữ nguyên tại vị trí cũ đã có, nằm phía Nam đường Lý Thường Kiệt (thuộc khối 9). Diện tích 0,20ha, mật độ xây dựng 40%.

c) Nhà văn hóa khối và khu cây xanh, sân thể thao:

- Nhà văn hóa (*ký hiệu NVH*): Gồm 18 vị trí, trong đó có 11 nhà văn hóa được giữ nguyên tại các vị trí cũ đã có, xây mới 07 nhà văn hóa (tại các khối 2, khối 5, khối 6, khối 7, khối 10, khối 11, khối 14). Các nhà văn hóa cũ từng bước được xây dựng chỉnh trang đảm bảo đạt tiêu chuẩn. Tổng diện tích 1,42ha.

- Khu cây xanh, sân thể thao (*ký hiệu CX*): Gồm 22 khu, được quy hoạch trên các khu đất trống và phân bổ trên toàn phường nhằm phục vụ cho nhân dân sinh hoạt vui chơi. Ngoài 04 khu sân chơi đã có được giữ nguyên vị trí, bố trí thêm 18 khu cây xanh, sân thể thao mới. Tổng diện tích 3,48ha.

d) Công trình y tế (ký hiệu YTE):

- Trạm y tế phường: Giữ nguyên vị trí cũ đã có, nằm phía Tây Bắc đường Chu Văn An, thuộc khối 8. Diện tích 0,09ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao từ 1 - 3 tầng.

- Bệnh viện đa khoa Minh Hồng, bệnh viện Thành An - Sài Gòn, Trung tâm chỉnh hình và hồi phục chức năng thành phố Vinh: Giữ nguyên vị trí cũ đã có, tổng diện tích 2,10ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao từ 3 - 9 tầng và được quy định cụ thể theo từng lô đất tại bản vẽ QH04.

e) Công trình giáo dục:

- Trường mầm non *(Ký hiệu GD-01; GD-06 và GD-07)*: Gồm có 03 trường, được giữ nguyên tại các vị trí đã có, tổng diện tích 1,35ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao 2 - 4 tầng.

- Trường Tiểu học *(ký hiệu GD-02)*: Giữ nguyên vị trí đã có, phía Bắc đường Chu Văn An, có diện tích 0,84ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao 2 - 4 tầng.

- Trường Trung học cơ sở *(ký hiệu GD-03)*: Giữ nguyên vị trí đã có, phía Bắc đường Chu Văn An. Diện tích 0,84ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao 2 - 4 tầng.

- Trường Trung học phổ thông Hà Huy Tập *(ký hiệu GD-04):* Giữ nguyên vị trí đã có, phía Nam đường Phan Bội Châu. Diện tích 1,80ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao 3 - 5 tầng.

- Trung tâm giáo dục thường xuyên TP Vinh *(ký hiệu GD-05):* Được giữ nguyên vị trí đã có tại khối 7, có diện tích 0,27ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao 3 - 5 tầng.

5.4.2. Công trình thương mại dịch vụ (ký hiệu DVTM):

- Chợ Ga: Được giữ nguyên vị trí đã có tại giao lộ đường Phan Bội Châu – đường Trường Chinh. Quy hoạch nâng cấp thành chợ và trung tâm thương mại của khu vực, diện tích 0,99ha, mật độ xây dựng 60 - 80%, tầng cao 3 - 8 tầng.

- Quy hoạch xây dựng mới 05 khu dịch vụ thương mại bám các trục đường chính và các trục đường quy hoạch phân khu từ 18 - 35m. Tổng diện tích: 5,70ha; mật độ xây dựng từ 40 - 60%; tầng cao từ 3 - 18 tầng và được quy định cụ thể theo từng lô đất tại bản vẽ QH04.

5.4.3. Đất doanh nghiệp (Ký hiệu DN): Được giữ nguyên tại những vị trí cũ đã có, nằm bám các trục đường Trường Chinh, Lê Lợi, Nguyễn Thái Học. Tổng diện tích 6,60ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao 3 - 8 tầng và được quy định cụ thể theo từng lô đất tại bản vẽ QH04.

5.4.4. Đất an ninh quốc phòng (Ký hiệu QS): Gồm có 02 khu, được giữ nguyên tại vị trí cũ đã có, tổng diện tích 0,17ha, mật độ xây dựng từ 40 - 60%, tầng cao 1 - 3 tầng.

5.4.5. Khu ở dân cư (ký hiệu LO, CT): Bao gồm khu dân cư hiện trạng, các khu quy hoạch dân cư mới và một số khu chung cư đã xây dựng. Tổng diện tích: 71,82ha.

- Tầng cao: Đối với các lô đất bám trục đường <15m tầng cao tối đa 6 tầng; Đối với các lô đất bám trục đường ≥ 15m tầng cao tối đa 8 tầng.

- Mật độ xây dựng trong từng lô đất xây dựng nhà ở thấp tầng từ 90 - 100%.

- Đối với các dự án phát triển nhà ở đã có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt.

5.5. Quy hoạch sử dụng đất: Thống nhất theo bản vẽ QH 04.

TT	Hạng mục đất đai	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công cộng		13,97	10,05
	- Trung tâm hành chính phường	CQ-01	*0,39*	*0,27*
	- Đài tưởng niệm liệt sỹ	DT-01	*0,20*	*0,14*
	- Nhà văn hóa, khu cây xanh, sân thể thao	NVH - CX	*4,90*	*3,53*
	- Trụ sở công an phường	CQ-02	*0,26*	*0,18*
	- Đất công trình y tế	YTE	*2,13*	*1,51*
	- Đất công trình giáo dục	GD	*5,10*	*3,67*
	- Đất chợ trung tâm phường	DVTM-01	*0,99*	*0,71*
2	Đất công trình thương mại dịch vụ	DVTM	5,70	4,10
3	Đất doanh nghiệp	DN	6,60	4,76
4	Đất an ninh quốc phòng	QS	0,17	0,12
5	Đất ở dân cư		71,82	51,72
	- Đất ở hiện hữu (cải tạo chỉnh trang)	*LO*	*58,54*	*42,15*
	- Đất ở xây dựng mới	*LO*	*12,10*	*8,71*
	- Đất ở chung cư cao tầng	*CT*	*1,18*	*0,86*
6	Đất giao thông + bãi đỗ xe		40,61	29,25
	- Đất giao thông		*40,03*	*28,84*
	- Đất bãi đậu xe	*PR*	*0,58*	*0,41*
	Tổng cộng		**138,87**	**100,00**

5.6. Thiết kế đô thị: Thống nhất theo các bản vẽ QH 14.A, QH 14.B.

Phân vùng kiến trúc cảnh quan: Được phân thành các trục cảnh quan chính và phát triển hài hoà giữa các khu vực cũ và mới.

- Một số vị trí có quy hoạch xây dựng công trình tạo điểm nhấn kiến trúc cảnh quan đô thị được xem xét cụ thể về hình thức kiến trúc, tầng cao, mật độ xây dựng, chỉ giới xây dựng, hệ số sử dụng đất,... nhằm đảm bảo theo đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tế.

- Đèn chiếu sáng đường phố: Thiết kế phải có tính thẩm mỹ, hài hòa với cảnh quan, môi trường và kiến trúc công trình xung quanh. Chất lượng chiếu sáng cao, hạn chế chói lóa tốt, màu sắc ánh sáng thích hợp đối với từng khu vực.

- Gạch lát vỉa hè: Sử dụng các loại gạch block tự chèn khác nhau, kích thước, màu sắc phải phù hợp với từng chức năng các khu vực.

- Thu gom rác thải: Bố trí các thùng rác phải mang tính thẩm mỹ và phù hợp với các điều kiện thực tế của khu vực thu gom.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Giao thông, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ: Thống nhất theo bản vẽ QH06.

6.1.1. Mặt cắt ngang các tuyến đường:

STT	Mặt cắt	Chiều rộng (m)			
		Mặt đường	Vỉa hè	Dải phân cách	Lộ giới
1	1 - 1	2 x 10,0	2 x 12,0	1,0	45,00
2	2 - 2	2 x 10,5	2 x 8,00	3,0	40,00
3	3 - 3	16,00	2 x 9,50	-	35,00
4	4 - 4	12,00	2 x 6,00	-	24,00
5	5 - 5	10,50	2 x 3,75	-	18,00
6	6 - 6	10,00	2 x 3,00	-	16,00
7	6A - 6A	10,50	2 x 2,50	-	15,50
8	6B - 6B	9,00	2 x 3,00	-	15,00
9	7 - 7	7,00	2 x 3,50	-	14,00
10	8 - 8	6,00	2 x 3,00	-	12,00
11	9 - 9	7,50	2 x 2,00	-	11,50
12	10 - 10	7,00	2 x 1,75	-	10,50
13	11 - 11	6,00	2 x 1,50	-	9,00
14	12 - 12	5,00	2 x 1,50	-	8,00

Ngoài các mặt cắt được xác định nêu trên, đối với các khu vực đầu tư xây dựng mới yêu cầu quy hoạch chi tiết đường giao thông trong từng khu chức năng phải đảm bảo:

- Lòng rộng từ 5,5m đến 7,5m, vỉa hè đảm bảo tối thiểu 3,0m.

- Lòng rộng từ 7,5m đến 10,5m, vỉa hè đảm bảo tối thiểu 4,0m.

- Lòng rộng từ 10,5m trở lên, vỉa hè đảm bảo tối thiểu 5,0m.

6.1.2. Chỉ giới xây dựng (khoảng lùi):

- Các công trình đã xây dựng: Giữ nguyên hiện trạng, nếu cải tạo, điều chỉnh xây mới phải xác định khoảng lùi theo đúng Quy hoạch này và quy định pháp luật hiện hành về quy hoạch xây dựng.

- Các dự án đã có quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp thẩm quyền phê duyệt: Thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Các công trình xây dựng mới: Xác định khoảng lùi theo đúng Quy hoạch này và quy định pháp luật hiện hành về quy hoạch xây dựng.

6.1.3. Bãi đậu xe (ký hiệu PR): Bố trí các vịnh đậu xe trên vỉa hè tại các trục đường lớn như đường Lê Lợi, Phan Bội Châu, Trường Chinh, Nguyễn Thái Học, Lý Thường Kiệt, đường quy hoạch 18m,... và bố trí bãi đậu xe trên toàn phường với 05 vị trí. Tổng diện tích 0,58ha. Cụ thể như sau:

- Vị trí 1: Trên đường Trường Chinh (khối 15), diện tích 195,0m^2.

- Vị trí 2: Tại khối 15, diện tích 1.816,0m^2.

- Vị trí 3: Tại khối 8, diện tích 1.409,0m^2.

- Vị trí 4: Tại khối 7, diện tích 1.089,0m^2.

- Vị trí 5: Tại khối 10, diện tích 1.346,0m^2.

6.1.4. Về giao thông đường sắt: Tuyến đường sắt Bắc-Nam chạy dọc ranh giới phía Tây của phường, quy hoạch tuyến đường gom với quy mô mặt cắt 12,0m chạy dọc phía Đông theo tuyến đường sắt nhằm đảm bảo yêu cầu giao thông, hành lang an toàn cho đường sắt, giảm thiểu các điểm giao cắt giữa đường sắt với đường dân sinh. Khoảng cách ly an toàn giữa đường gom và đường sắt là 5m.

6.1.5. Giao thông công cộng: Giữ nguyên vị trí các tuyến xe buýt và bến xe buýt hiện có trên các trục đường Lê Lợi, Phan Bội Châu, Trường Chinh, Nguyễn Thái Học, Lý Thường Kiệt.

6.2. Chuẩn bị kỹ thuật: Thống nhất theo bản vẽ QH 07.

6.2.1. San nền: Cao độ dao động từ +4,7m đến +5,4m.

6.2.2. Thoát nước mưa: Có 4 lưu vực thoát nước chính như sau:

- Lưu vực 1: Khu vực trung tâm phường, diện tích khoảng 86,30ha, nước thoát về theo kênh số 1 qua phường Đội Cung về hào Thành cổ Vinh rồi ra trạm bơm Tây Nam, B=1,4m-4,0m.

- Lưu vực 2: Phía Tây Nam ngã tư ga Vinh, diện tích khoảng 8,80ha, nước thoát vào tuyến thoát nước chính trên đường Phan Bội Châu theo cống kín về cầu Kênh Bắc.

- Lưu vực 3: Phía Đông đường Trường Chinh, diện tích khoảng 11,40ha, nước thoát theo cống dọc đường Trường Chinh ra mương Đông Vĩnh.

- Lưu vực 4: Phía Tây dọc đường Trường Chinh và vùng ga Vinh, diện tích khoảng 16,80ha, nước thoát qua đường sắt về mương Đông Vĩnh ra sông Kẻ Gai B=3,0m.

6.3. Cấp nước: Thống nhất theo bản vẽ QH 08.

- Nguồn nước được lấy từ nhà máy nước Hưng Vĩnh thông qua các ống cấp I trên các trục đường Lê Lợi, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học và Trường Chinh. Tiêu chuẩn cấp nước: 180 lít /người.ngày.đêm. Tổng công suất tính toán: 3.000 m^3/ngày.đêm.

- Nguồn nước phòng cháy chữa cháy sử dụng chung với nguồn nước sinh hoạt. Sử dụng 80 trụ cứu hỏa kiểu nổi đường kính D125 theo TCVN 6379-1998 đặt trên các tuyến đường chính, khoảng cách giữa các trụ ≤150m.

***6.4. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường*:** Thống nhất theo bản vẽ QH 10.

- Trước mắt nước thải thoát chung với nước mưa, tương lai thoát theo mạng riêng. Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ tại chân công trình trước khi thải ra mạng chung.

- Tiêu chuẩn thoát nước thải lấy theo tiêu chuẩn cấp, công suất tính toán 3.000 m^3/ngày.đêm.

- Rác thải được thu gom tại các thùng chứa rác và các hố thu xây dựng mới tại các vị trí quy hoạch bãi đậu xe, chuyển về khu xử lý tập trung tại xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc.

***6.5. Cấp điện*:** Thống nhất theo bản vẽ QH 09.

- Nguồn điện được lấy từ trạm nguồn phân phối (220/110/35/22KV) Hưng Đông.

- Tổng công suất định mức: 31.780 KVA.

- Xây dựng mới 19 trạm biến áp loại 22/0,4kV có công suất từ 400kVA- 2x630kVA.

***6.6. Thông tin liên lạc*:** Thống nhất theo bản vẽ QH 11.

- Hoàn thành việc xây dựng theo mạng diện rộng của Thành phố, phục vụ tốt các hoạt động kinh tế - xã hội - văn hoá của thành phố Vinh.

- Công nghệ mạng tiên tiến phù hợp xu hướng chung thế giới. Hạ tầng mạng ngoại vi tại khu vực thành phố được đi ngầm.

***6.7. Đánh giá môi trường chiến lược*:** Thống nhất theo bản vẽ QH 13.

- Chất thải rắn sinh hoạt phải được đưa đi chôn lấp, hoặc đưa về khu xử lý tập trung để chế biến thành phân hữu cơ.

- Xây dựng hệ thống quan trắc và giám sát định kỳ về môi trường đất, nước, địa chất, không khí, tiếng ồn, rác thải, biến động hệ sinh thái tại khu vực, các điểm có khả năng gây ra sự cố môi trường, các khu vực nhạy cảm về môi trường.

7. Ban hành kèm theo Quyết định này bộ bản vẽ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được phê duyệt.

Điều 2. Trên cơ sở đồ án quy hoạch phân khu và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được phê duyệt, giao trách nhiệm các cơ quan liên quan thực hiện các công việc sau:

1. Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố Vinh và các sở, ban, ngành liên quan thực hiện chức năng quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng công trình theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Vinh hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố quy hoạch để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện; đồng thời chuyển giao các bản vẽ quy hoạch được phê duyệt để các cơ quan liên quan thực hiện chức năng quản lý theo quy định (bao gồm: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân thành phố Vinh và Ủy ban nhân dân phường Lê Lợi).

3. Ủy ban nhân dân thành phố Vinh lập kế hoạch thực hiện quy hoạch, lấy ý kiến của các cơ quan liên quan, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

4. Nghiêm cấm việc thay đổi đồ án quy hoạch đã được phê duyệt. Các nội dung điều chỉnh, thay đổi so với quy hoạch đã được phê duyệt phải được Ủy ban nhân dân thành phố Vinh tổng hợp, trình Sở Xây dựng thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vinh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Lê Lợi; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng; Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các PVP UBND tỉnh;
- Phòng CN VPUBND tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh; TT Tin học - Công báo;
- Lưu: VTUB, CVXD.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Hoa